TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13.4. 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ, ông Trần Minh Tám.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 376/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 11 đường A, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1984; Địa chỉ: K478/27C đường P, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc H trình bày:*

Tôi và bà Trần Thị Ngọc V kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không phù hợp nhau về tính cách. Đến nay, mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà V.

***** Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 25/10/2011. Ly hôn tôi giao con chung cho bà V nuôi dưỡng và tôi đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà V tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà V không có mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho ông H được ly hôn với bà V. Về con chung, giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và ông H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông Huỳnh Ngọc H với bà Trần Thị Ngọc V là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân dự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà V là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà V.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc H với bà Trần Thị Ngọc V kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông H bà V đã phát sinh mâu thuẫn. Ông H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai người không hợp nhau về tính tình. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng bà V ông H bà V thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay không khắc phục được. Trong quá

trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho bà V nhưng bà V vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ông H yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà V là phù hợp.

***** Về con chung: Vợ chồng ông H bà V có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 25/10/2011. Ly hôn, ông H giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và ông H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T đang ở với mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần thiết giao con cho mẹ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu 300.0000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H về việc "*Ly hôn*" đối với bà Trần Thị Ngọc V.

Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc V.

* Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Ngọc Bảo T, sinh ngày 25/10/2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chạm thi hành án.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Huỳnh Ngọc H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 2381 ngày 19.11.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí về khoản trợ cấp nuôi con định kỳ ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000đ.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Thanh Khê;*
- *Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;*
- *UBND phường Chính Gián;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đặng Ngọc Cường